TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Tân Hiệp
Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2021/HNGĐ- ST
Ngày 28/04/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Quang Nhật**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Ngọc Chúc**
2. Bà Phạm Thị Lệ Hoa
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 28 tháng 04 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2021/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 03 năm 2021 về vụ kiện: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 04 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Lê Thị Bích T**, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T L, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

- Bị Đơn**: Anh Hồ Văn C**, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T L, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Lê Thị Bích T trình bày: tôi và anh Hồ Văn C chung sống với nhau vào năm 1991, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống, tôi và anh C có quen biết và có tìm hiểu nhau trước khoảng 01 năm và đi đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện không cưỡng ép.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến năm 2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn về tiền bạc, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã đổ vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung gồm:

1/ Cháu Hồ Minh T, sinh ngày 10/02/1992, hiện nay đã trưởng thành

2/ Cháu Hồ Minh K, sinh ngày 24/04/1996, hiện nay đã trưởng thành

3/ Cháu Hồ Thị Như Y, sinh ngày 31/05/2003, cháu hiện đang chung sống với tôi

- Về tài sản chung: không có.

- Về phần nợ chung: vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa chị Thủy yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với anh Hồ Văn C.

Về quan hệ con chung: Cháu Hồ Minh T và cháu Hồ Minh K hiện nay đã trưởng thành. Tôi yêu cầu được nuôi cháu Hồ Thị Như Y, sinh ngày 31/05/2003, tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

*** Bị đơn anh Hồ Văn C trình bày**: anh Hồ Văn C vắng mặt không lý do nên không thể trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** anh Hồ Văn C với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh C vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Hồ Văn C, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ". Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Hồ Văn C là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Bích T và anh Hồ Văn C là vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi vì chị T và anh C chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Theo khoản 1, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý. Ngoài ra các bên nếu có yêu cầu giải quyết về con cái và tài sản thì Tòa án áp dụng Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết. Chính vì vậy xác định mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C không được pháp luật công nhận là vợ chồng, vì chị T và anh C chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C là vợ chồng là có cơ sở.

[3] **Về quan hệ con chung:** Chị T yêu cầu xin được nhận nuôi cháu Hồ Thị Như Y, sinh ngày 31/05/2003, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy giao cháu Hồ Thị Như Y, sinh ngày 31/05/2003 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận, vì theo

khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Mặt khác do cháu Như Y hiện nay 17 tuổi, nguyện vọng của cháu Như Y là khi cha mẹ cháu ly hôn thì cháu Như Y sẽ sống với mẹ, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy được Hội đồng xét xử ghi nhận. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

[4] **Về tài sản chung và nợ chung**: do chị T và anh C không có tài sản chung và không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm**: chị Lê Thị Bích T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008284 ngày 17/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Bích T và anh Hồ Văn C là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Hồ Thị Như Y, sinh ngày 31/05/2003 cho chị Lê Thị Bích T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

3. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Bích T nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008284 ngày 17/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định

tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Lê Thị Bích T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho anh Hồ Văn C biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Nhật